Số: 3492/SGDĐT-VP; 15/10/2026

UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG
Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên dân lập, tư thục; mức tiền truy lĩnh học phí đào tạo đối với giáo viên mầm non đào tạo từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Quảng Ninh
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh)

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** 1. Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Quảng Ninh theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP. 2. Nghị quyết này quy định mức tiền được truy lĩnh học phí đào tạo đối với giáo viên mầm non đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP và	Nghị định số 311/2025/NĐ-CP giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hai nhiệm vụ: (i) ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đối với giáo viên dân lập, tư thục (khoản 5 Điều 15 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP); (ii) quyết định mức tiền được truy lĩnh đối với giáo viên mầm non đào tạo từ trung cấp lên đại học ngành Giáo dục mầm non (điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP). Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết được giới hạn đúng hai nội dung được giao. Khoản 2 xác định thêm nguồn kinh phí truy lĩnh đối với giáo viên dân lập, tư thục vì cơ sở giáo dục dân lập, tư thục không phải đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, cần xác định cụ thể cấp ngân sách bảo đảm theo điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

	nguồn kinh phí truy lĩnh học phí đào tạo đối với giáo viên dân lập, tư thục theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP.	
- Khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 - Điều 2 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP - Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** 1. Giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đang công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Quảng Ninh, thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP (sau đây gọi là giáo viên dân lập, tư thục). 2. Giáo viên mầm non đang công tác tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Quảng Ninh, thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, đã tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non và đã được cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 nhưng chưa được cơ quan, đơn vị thanh toán học phí đào tạo. 3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.	Khoản 1 xác định giáo viên dân lập, tư thục thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn theo Điều 2 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP là đối tượng của chính sách hỗ trợ ban hành theo khoản 5 Điều 15 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP; đồng thời đặt tên gọi tắt "giáo viên dân lập, tư thục" để thống nhất cách dẫn chiếu trong toàn văn bản. Khoản 2 xác định đúng nhóm đối tượng mà điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP giao Hội đồng nhân dân quyết định mức truy lĩnh: giáo viên mầm non (công lập và dân lập, tư thục) đào tạo từ trung cấp lên đại học ngành Giáo dục mầm non, được cấp bằng từ ngày 01/7/2020 nhưng chưa được thanh toán học phí. Điều kiện về thời điểm cấp bằng và tình trạng chưa được thanh toán giữ nguyên như quy định của Nghị định. Trường hợp giáo viên dân lập, tư thục đồng thời thuộc khoản 1 và khoản 2, việc hưởng chính sách được xử lý theo nguyên tắc tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết (mỗi giáo viên chỉ được hỗ trợ một lần đối với một trình độ đào tạo).
- Điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-	**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng** 1. Bảo đảm đúng đối tượng, công khai,	Khoản 1 cụ thể hóa yêu cầu quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả.

CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định 71/2020/NĐ-CP. - Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15	minh bạch, công bằng, hiệu quả. 2. Mỗi giáo viên chỉ được hỗ trợ một lần đối với một trình độ đào tạo nâng chuẩn theo một trong các chính sách quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này. Giáo viên đã được truy lĩnh, chi trả học phí đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP thì không được hỗ trợ theo Nghị quyết này đối với cùng khóa đào tạo. 3. Trường hợp giáo viên đã được ngân sách nhà nước, cơ sở giáo dục hoặc tổ chức, cá nhân khác chi trả một phần học phí đào tạo mà không phải hoàn trả thì mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 4 và mức tiền được truy lĩnh quy định tại Điều 5 Nghị quyết này bằng phần chênh lệch giữa mức quy định tại các điều, khoản này và số kinh phí đã được chi trả. 4. Kinh phí hỗ trợ, truy lĩnh theo Nghị quyết này không bao gồm chi phí thi lại, học lại và chi phí phát sinh do kéo dài thời gian đào tạo.	Khoản 2 bảo đảm không hưởng trùng: giữa hai phương thức hỗ trợ tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết; và giữa chính sách của Nghị quyết với chế độ truy lĩnh đã được Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP. Khoản 3 quy định khấu trừ phần học phí đã được ngân sách, cơ sở giáo dục hoặc tổ chức, cá nhân khác chi trả, phù hợp với điều kiện "chưa được cơ quan, đơn vị thanh toán học phí đào tạo" tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP, tránh chi trùng nguồn. Khoản 4 kế thừa quy định "không bao gồm chi phí thi lại và học lại" tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP; bổ sung loại trừ chi phí phát sinh do kéo dài thời gian đào tạo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định 71/2020/NĐ-CP.
- Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số	**Điều 4. Chính sách hỗ trợ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên dân lập, tư thục** 1. Giáo viên dân lập, tư thục được cử tham gia các lớp đào tạo theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng quy định	Hai khoản của Điều 4 tương ứng với hai phương thức đào tạo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP. Khoản 1: giáo viên dân lập, tư thục tham gia lớp đào tạo theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng được hỗ trợ toàn bộ kinh phí đào tạo theo giá, đơn giá được cấp có

311/2025/NĐ-CP - Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP	tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP thì được hỗ trợ toàn bộ kinh phí đào tạo theo giá hoặc đơn giá giao nhiệm vụ, đặt hàng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 2. Giáo viên dân lập, tư thục được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP thì được hỗ trợ học phí đào tạo bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo nơi giáo viên theo học.	thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm học cùng lớp, cùng điều kiện với giáo viên công lập. Khoản 2: trường hợp ngành, chuyên ngành không đủ điều kiện mở lớp, giáo viên chủ động đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo công lập, được hỗ trợ bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo, tương đương mức chi trả đối với giáo viên công lập tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, bảo đảm công bằng giữa khu vực công lập và ngoài công lập. Thời điểm chi trả (sau khi được cấp bằng tốt nghiệp) và chứng từ thực hiện theo khoản 3 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP nên Nghị quyết không quy định lại. Nghị quyết chỉ hỗ trợ kinh phí đào tạo, không hỗ trợ tiền lương, chế độ, phụ cấp trong thời gian đi học vì khoản 4 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP đã giao cơ sở giáo dục dân lập, tư thục bảo đảm.
- Đoạn thứ nhất điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Đoạn thứ hai điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP	**Điều 5. Mức tiền được truy lĩnh học phí đào tạo đối với giáo viên mầm non đào tạo từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non** Giáo viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được truy lĩnh, chi trả học phí đào tạo bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo tại thời điểm giáo viên theo học. Việc thanh toán kinh phí hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.	Điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức truy lĩnh đối với giáo viên mầm non đào tạo từ trung cấp lên đại học, với điều kiện không thấp hơn mức học phí đào tạo từ trung cấp lên cao đẳng. Nghị quyết lựa chọn mức bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo tại thời điểm giáo viên theo học, tức là thanh toán đầy đủ học phí đào tạo đại học mà giáo viên đã thực nộp, thống nhất với cách xác định mức truy lĩnh đối với giáo viên các cấp học khác tại đoạn thứ nhất điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định. Thời hạn thanh toán trước ngày 31/12/2027 được quy định ngay tại Điều này, phù hợp khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP.
- Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP	**Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện** 1. Ngân sách thành phố Quảng Ninh	Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP quy

- Điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15	theo phân cấp ngân sách hiện hành. 2. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. 3. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật.	định kinh phí do ngân sách địa phương bảo đảm. Nghị quyết xác định ngân sách thành phố bảo đảm theo phân cấp hiện hành, phù hợp thẩm quyền của Hội đồng nhân dân về phân cấp nhiệm vụ chi theo Luật Ngân sách nhà nước, do cơ sở giáo dục dân lập, tư thục không phải đơn vị sử dụng ngân sách và khoản truy lĩnh là khoản chi lớn. Khoản 2 cho phép huy động các nguồn hợp pháp khác; khoản 3 nhấn mạnh yêu cầu quản lý, quyết toán, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán theo quy định.
- Khoản 5 Điều 15 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15	**Điều 7. Tổ chức thực hiện** 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) - Điều 8 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP.	**Điều 8. Hiệu lực thi hành** 1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026. 2. Chính sách quy định tại Điều 4 Nghị quyết này áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Khoản 1 quy định thời điểm có hiệu lực theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Khoản 2 xác định thời hạn áp dụng chính sách tại Điều 4 đến hết ngày 31/12/2030, phù hợp kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 theo Điều 8 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP. Khoản 3 bảo đảm Nghị quyết được áp dụng thống nhất khi văn bản được dẫn chiếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.